

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1989(có mặt).
Địa chỉ: Ấp TB, xã B,huyện A, tỉnh Bình Phước.
2. Lê Nhật T, sinh năm 1978(có mặt).
Địa chỉ: Ấp TP, xã B,huyện A, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ Đặng Ngọc T trộm cắp xe mô tô của mình nên vào lúc 17 giờ, ngày 02/3/2018, Phạm Ngọc A cùng một số người đã đến nhà Đặng Ngọc T để lục lọi tìm kiếm. Đến 00 giờ ngày 03/3/2018, sau khi đi làm về, Đặng Ngọc T biết được sự việc nên Đặng Ngọc T đã rất bức tức. Đặng Ngọc T nhờ Lê Nhật P đến nhà Phạm Ngọc A để chở Phạm Ngọc A sang nhà Đặng Ngọc T để nói chuyện thì Lê Nhật P đồng ý. Khi Lê Nhật P chở Phạm Ngọc A đến nhà Đặng Ngọc T(xe mô tô của Phạm Ngọc A) thì giữa Đặng Ngọc T và Phạm Ngọc A nảy sinh mâu thuẫn. Đặng Ngọc T dùng tay, chân và khúc cây đánh vào người Phạm Ngọc A, đồng thời kêu Lê Nhật P dùng sợi dây sạc điện thoại màu đen trói tay Phạm Ngọc A lại. Lê Nhật P trói hai tay Phạm Ngọc A ra phía trước nhưng Đặng Ngọc T không đồng ý, yêu cầu Lê Nhật P trói hai tay Phạm Ngọc A ra phía sau. Sau khi trói xong, Lê Nhật P bỏ đi về nhà còn Đặng Ngọc T tiếp tục giữ Phạm Ngọc A tại phòng khách nhà mình và điện thoại yêu cầu bà Nguyễn Thị Ng là mẹ ruột của Phạm Ngọc A đến để giải quyết. Bà Nguyễn Thị Ng đã trình báo sự việc cho lực lượng chức năng giải quyết theo thẩm quyền. Nhận được tố giác, tin báo về tội phạm công an xã B phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện A đã tiến hành kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ: 01 (một) dây sạc điện thoại màu đen, dài 01m; 01(một) khúc gỗ hình trụ màu đỏ, đen, dài 33,5cm đầu lớn nhất kích thước (4,5x4,5)cm, đầu nhỏ có kích thước (03x03)cm.

Cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố các bị cáo Đặng Ngọc T và Lê Nhật P về tội “Bắt người trái pháp luật” được quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn khẳng định các bị cáo có hành vi như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Ngọc T và Lê Nhật P phạm tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với các bị cáo như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt Đặng Ngọc T từ 08 đến 10 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt Lê Ngọc Phú từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách gấp đôi.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố, bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày đã thay mặt các bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe, tinh thần cho bị hại là 20.000.000đ và không có ý kiến gì, không tranh luận.

Người bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, về phần thiệt hại đã thỏa thuận xong và không có yêu cầu gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng.

Về nội dung: Ngày 03/3/2018 vào khoảng 00 giờ, khi nghe tin Phạm Ngọc A vào nhà mình lục lọi, tìm kiếm vì Phạm Ngọc A cho rằng Đặng Ngọc T lấy xe moto của mình, Đặng Ngọc T đã nhờ Lê Nhật P chở Phạm Ngọc A đến nhà Đặng Ngọc T để nói chuyện. Khi đến nơi Đặng Ngọc T đã có hành vi dùng tay, cây gỗ đánh vào người của Phạm Ngọc A và nói với Lê Nhật P dùng dây sạc điện thoại trói tay bị hại Phạm Ngọc A ra phía sau. Sau khi trói xong bị hại, Lê Nhật P bỏ về nhà mình, còn Đặng Ngọc T tiếp tục giữ Phạm Ngọc A tại phòng khách nhà mình rồi gọi điện thoại báo cho mẹ của Phạm Ngọc A biết, sau đó mẹ của bị hại báo cơ quan chức năng. Đến khoảng 01 giờ cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện A đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố các bị cáo về điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi trên của bị cáo xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của người khác được Hiến pháp và Pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ra làm hoang mang dư luận, gây mất ổn định tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, các bị cáo biết việc bắt người, trói người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi, thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo nên cần

có mức án thỏa đáng đối với các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Đặng Ngọc T là người khởi xướng, là người trực tiếp dùng tay, khúc gỗ đánh bị hại. Bị cáo Lê Nhật P khi được Đặng Ngọc T nhờ chở bị hại đến nhà, bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức dùng dây sạc điện thoại trói tay của bị hại theo yêu cầu của bị cáo Đặng Ngọc T. Như vậy bị cáo Lê Nhật P tham gia với vai trò thứ yếu. Do vậy bị cáo Đặng Ngọc T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Lê Nhật P tương ứng mức độ hành vi của các bị cáo đã thực hiện.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ như sau: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả; bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, đều đang nuôi con nhỏ qui định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với bị cáo Lê Nhật P còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Xét về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Đặng Ngọc T có nhân thân xấu: Ngày 19/8/2010, bị cáo Đặng Ngọc T bị Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 03(ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số: 55/2010/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong tất cả các nghĩa vụ của bản án trên.

Đối với bị cáo Lê Nhật P có nhân thân tốt, ở địa phương bị cáo chưa vi phạm pháp luật, bản thân luôn chấp hành tốt các quy định pháp luật, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên **chỉ cần giao bị cáo về chính quyền địa phương giám sát giáo dục là đủ, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.**

Xét sự đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A về mức hình phạt và các vấn đề khác là có cơ sở cần chấp nhận.

Đối với thương tích của bị hại do bị cáo Đặng Ngọc T gây ra chỉ gây thương tích ngoài da, bị hại từ chối giám định thương tích và không yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

Về vật chứng: 01 (một) dây sạc điện thoại màu đen, dài 01m; 01(một) khúc gỗ hình trụ màu đỏ, đen, dài 33,5cm đầu lớn nhất kích thước (4,5x4,5)cm, đầu nhỏ có kích thước (03x03)cm là công cụ để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Nhật T là bố của Lê Nhật P và bà Nguyễn Thị T là vợ của Đặng Ngọc T đã thay mặt các bị cáo đền bù khoản tiền 20.000.000đ cho bị hại là anh Phạm Ngọc A. Bị hại đã nhận và không có yêu cầu gì thêm. Đối với số tiền trên các ông bà Lê Nhật T, Nguyễn Thị T cũng

không yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho mình nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Đặng Ngọc T, Lê Nhật P** phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Đặng Ngọc T 08(tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 03/3/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Lê Nhật P 06(sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01(một) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Nhật P về UBND xã B, huyện A, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Áp dụng: Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dây sạc điện thoại màu đen, dài 01m; 01(một) khúc gỗ hình trụ màu đỏ, đen, dài 33,5cm đầu lớn nhất kích thước (4,5x4,5)cm, đầu nhỏ có kích thước (03x03)cm.

(Vật chứng cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện A với Chi cục Thi hành án dân sự huyện A ngày 19/4/2018).

Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sơ thẩm

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- CQCSĐT CA huyện A;
- CQ THAHS CA huyện A;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Lượng